

BẢN TIN DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Nhiệm vụ: Giám sát và đánh giá chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Núi Cốc phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp năm 2024

2. Tuần dự báo: Từ ngày 1/02/2024-đến 7/02/2024

3. Đơn vị thực hiện: Viện Kỹ thuật tài nguyên nước

Người cung cấp thông tin: Lê Văn Chín – Chủ nhiệm nhiệm vụ

4. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị quản lý, khai thác CTTL trong vùng

5. Dự báo chất lượng nước tuần: Từ 1/2/2024 đến 7/2/2024

a) Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Theo dự báo tuần tới, khu vực Thái Nguyên nhiều mây, có thể có mưa phùn nhỏ, nhiệt độ trung bình ngày trên 14-22⁰C. Lưu lượng về hồ nhỏ từ thượng lưu sông Công nhỏ, mực nước hiện nay ở cao trình khoảng +45,8m. Trong tuần này, Công ty TNHH Một thành viên KTTL Thái Nguyên tiếp tục thực hiện kế hoạch mở cống lấy nước phục vụ cho đồ ải vụ Đông Xuân (đợt mở nước theo kế hoạch từ 1/1/2023-25/2-2023 với lưu lượng lấy dự kiến trung bình 15m³/s).

b) Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Kết quả dự báo chất lượng nước từ 1/2/2024 đến 7/2/2024 cho thấy chất lượng nước như sau:

Căn cứ theo QCVN 08:2023/BTNMT, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc như sau:

1. *Các vị trí trong giới hạn mức A*: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào**
2. *Các vị trí trong giới hạn mức B*: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Thượng lưu hồ, Thượng lưu cống lấy nước, Đầu kênh chính**
3. *Các vị trí trong giới hạn mức C*: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí còn lại;**
4. *Các vị trí trong giới hạn mức D*: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Không có vị trí nào;**

Bảng 1 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 1/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,0	16,3	0,25	1,39	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	6,0	13,9	0,38	1,64	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,9	0,16	1,72	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,4	0,12	1,89	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,3	13,8	0,16	1,05	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,8	0,21	1,44	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,8	0,12	1,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,3	12,3	0,16	1,67	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,1	16,0	0,16	1,68	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,2	0,24	1,72	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,4	15,3	0,43	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,0	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,9	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 2 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 2/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,0	16,2	0,26	1,39	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	6,0	13,7	0,37	1,61	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,8	0,16	1,71	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,4	0,12	1,88	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,3	13,6	0,17	1,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,7	0,21	1,44	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,6	0,12	1,03	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,3	12,6	0,16	1,66	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,1	16,0	0,16	1,68	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,3	0,24	1,73	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,4	15,4	0,43	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,0	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,8	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 3 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 3/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,0	16,0	0,26	1,38	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	6,0	13,6	0,36	1,62	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,7	0,14	1,70	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,2	0,12	1,84	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,3	13,5	0,17	1,10	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,6	0,21	1,44	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,5	0,13	1,05	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,4	12,2	0,16	1,66	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,2	15,8	0,16	1,68	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,1	0,24	1,72	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,5	15,2	0,43	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,0	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,9	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 4 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 4/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,0	16,2	0,26	1,38	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	5,9	13,8	0,35	1,61	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,6	0,15	1,69	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,5	0,12	1,80	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,4	13,5	0,17	1,14	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,5	0,21	1,45	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,4	0,14	1,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,4	12,3	0,16	1,66	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,2	15,8	0,16	1,68	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,1	0,24	1,72	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,5	15,3	0,43	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,5	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,9	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 5 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 5/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,0	15,9	0,26	1,38	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	5,9	14,9	0,35	1,59	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,5	0,15	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,4	0,12	1,75	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,4	13,4	0,17	1,18	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,5	0,21	1,47	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,3	0,15	1,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,4	12,2	0,16	1,65	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,2	15,7	0,16	1,64	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,1	0,24	1,72	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,5	15,2	0,43	1,68	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,5	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	18,0	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,9	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 6 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 6/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
<i>QCVN 08:2023/A</i>		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/B</i>		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
<i>QCVN 08:2023/C</i>		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
<i>QCVN 08:2023/D</i>		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,1	16,0	0,26	1,37	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	5,9	14,7	0,44	1,59	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,4	0,17	1,67	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,6	14,4	0,12	1,73	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,4	13,4	0,17	1,21	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,5	0,21	1,48	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,3	0,11	1,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,4	12,1	0,16	1,65	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,2	16,2	0,16	1,58	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,8	17,2	0,24	1,67	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,5	15,2	0,43	1,63	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,5	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,8	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,9	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

Bảng 7 Kết quả dự báo và phân tích chất lượng nước trên hệ thống ngày 7/2/2024

Ký hiệu	Điểm	DO (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	(NH ₄ ⁺) (mg/l)	(NO ₃ ⁻) (mg/l)	Khuyến cáo
QCVN 08:2023/A		≥ 6	≤ 4	0,3	-	
QCVN 08:2023/B		≥ 5	≤ 6	0,3	-	
QCVN 08:2023/C		≥ 4	≤ 10	0,9	-	
QCVN 08:2023/D		≥ 2	> 10	0,9	-	
NC01	Thượng lưu hồ	6,1	15,7	0,26	1,37	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC02	Khách sạn du lịch Công Đoàn*	5,9	14,9	0,52	1,58	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC03	Khu du lịch Núi Cốc	5,6	13,4	0,17	1,66	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC04	Khu khách sạn mỏ Việt Bắc*	5,7	14,2	0,12	1,71	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC05	Điểm khai thác cát	5,4	13,4	0,17	1,23	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC06	Khu du lịch sinh thái Đông Á*	5,1	12,5	0,20	1,48	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC07	Khu dịch vụ Sao Sáng*	5,1	13,2	0,11	1,08	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC08	Thượng lưu cống lấy nước	6,4	13,6	0,16	1,65	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC09	Kênh chính	6,2	16,8	0,16	1,58	Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp
NC10	Đầu kênh Tây	5,7	17,7	0,25	1,67	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC11	Cuối kênh Tây	5,4	15,7	0,45	1,63	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC12	Đầu kênh Giữa	5,3	17,5	0,43	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC13	Cuối kênh Giữa	5,0	18,7	0,43	2,07	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC14	Đầu kênh Đông	5,4	17,9	0,39	2,00	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi
NC15	Cuối kênh Đông	4,8	19,8	0,40	2,01	Chỉ sử dụng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi

6. Đề xuất, kiến nghị

Chất lượng nước các điểm quan trắc trên hồ nhìn chung đạt chất lượng tốt trừ điểm khai thác cát có độ đục và chất lượng kém. Theo kế hoạch cấp nước vụ Đông Xuân năm 2024, hiện nay công ty đang mở cống lấy nước phụ vụ đổ ải gieo cấy từ 01/01-25/02/2024 nên chất lượng nước trên kênh khá tốt đảm bảo cấp nước cho tưới tiêu. Để đảm bảo chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi hồ Núi Cốc thì đơn vị quản lý cần lưu ý

1) Thượng lưu hồ: Đơn vị quản lý cần thu gom rác thải trôi nổi và nước thải của các hộ dân trực tiếp xả vào hồ tại vị trí thượng nguồn hồ.

2) Khu vực du lịch: Khách sạn du lịch Công Đoàn, Khu du lịch núi Cốc, Khách sạn mỏ Việt Bắc, Điểm khai thác cát, Khu du lịch sinh thái Đông Á, Khu dịch vụ Sao Sáng: Lượng du khách dự kiến tăng mạnh trong và sau tết nên lưu lượng nước thải và rác thải từ các hoạt động du lịch làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm tại các điểm ven hồ.

3) Kênh Tây, Kênh Giữa, Kênh Đông: Theo kế hoạch cấp nước trong giai đoạn này, cống tiếp tục nước mở với lưu lượng $Q=15\text{m}^3/\text{s}$ để phụ vụ giai đoạn gieo cấy đầu vụ Đông xuân. Do vậy chất lượng nước trong kênh tưới tương đối tốt, đảm bảo được mục đích tưới. Tuy nhiên, đoạn từ đầu các kênh Tây, kênh Giữa, kênh Đông đến cuối kênh có nước thải từ các hộ dân cư nhỏ lẻ vào kênh đặc biệt khu vực cuối kênh nên chất lượng nước bị ảnh hưởng. Hàm lượng Ni tơ, Phốt pho và BOD_5 khá cao so với ngưỡng cho phép. Khu vực cuối kênh Đông, Kênh Tây và kênh Giữa có dấu hiệu ô nhiễm do nước thải của các hộ dân dọc theo tuyến kênh xả thải trực tiếp vào kênh.